

STATUS OF PARTICIPATION, KNOWLEDGE ABOUT HIV INFECTION PRE-EXPOSITION PROPHYLAXIS AND SOME RELATED FACTORS OF MEN WHO HAVE SEX WITH MEN IN NINH KIEU DISTRICT, CAN THO CITY, 2023

Le Duc Thanh^{1,2*}, Bui Thanh Tu¹, Vu Tan Tho², Phan Trieu Man²

1. Ninh Kieu district Medical Center - 209 Nguyen Trai, Ninh Kieu district, Can Tho city, Vietnam

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy - 179 Nguyen Van Cu, Ninh Kieu district, Can Tho city, Vietnam

Received: 11/07/2024

Revised: 08/08/2024; Accepted: 27/08/2024

ABSTRACT

Overview: Men who have sex with men are at the highest risk of HIV infection in recent years. Pre-exposure prophylaxis treatment connection is considered a solution in the prevention of HIV infection.

Objectives: To determine the rate of pre-exposure prophylaxis, the knowledge of the subject pre-exposure prophylaxis and some factors related to participating in pre-exposure protection treatment of men who have sex with men in Ninh Kieu district, Can Tho city, 2023.

Method: A cross-sectional study in 400 cases were men who have sex with men from April 2023 to October 2023. The data were collected by questionnaires. SPSS 18.0 software was used for analyzing data. Analyze factors associated by using χ^2 test, univariate.

Results: The rate of participation in pre-exposure prophylaxis treatment is 37.3%. The general knowledge reached 79,3%. Some related factors were: number of sexual partners, safe sex, fear of discrimination, come out, general knowledge with $p < 0.05$.

Conclusion: The proportion of participating in pre-exposure protection treatment is quite low. It is necessary to focus on appropriate health education communication measures, increase knowledge and raise people's awareness, especially for men who have sex with men.

Keywords: Men who have sex with men, pre-exposure prophylaxis, knowledge.

* Corresponding author

Email address: ldthanh012@gmail.com

Phone number: (+84) 901073733

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i5.1415>



TÌNH HÌNH THAM GIA, KIẾN THỨC VỀ ĐIỀU TRỊ DỰ PHÒNG TRƯỚC PHỐI NHIỄM HIV VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI TẠI QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ, NĂM 2023

Lê Đức Thạnh^{1,2*}, Bùi Thanh Tú¹, Vũ Tấn Thọ², Phan Triệu Mẫn²

1. Trung tâm Y tế quận Ninh Kiều - 209 Nguyễn Trãi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài: 11/07/2024

Ngày chỉnh sửa: 08/08/2024; Ngày duyệt đăng: 27/08/2024

TÓM TẮT

Tổng quan: Nam quan hệ tình dục đồng giới là nhóm có nguy cơ cao nhất lây nhiễm HIV trong những năm gần đây. Kết nối điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV được xem là một giải pháp hữu hiệu trong dự phòng lây nhiễm HIV.

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ tham gia, kiến thức về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV và một số yếu tố liên quan đến sự tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ năm 2023.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 400 đối tượng từ tháng 4/2023-10/2023 bằng bộ câu hỏi soạn sẵn. Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0. Phân tích các yếu tố liên quan đến tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng cách sử dụng phép kiểm định χ^2 , phân tích đơn biến.

Kết quả: Tỷ lệ nam quan hệ tình dục đồng giới đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV là 37,3%. Có 79,3% đối tượng có khoảng tin cậy đúng về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV. Các yếu tố liên quan gồm số lượng bạn tình, quan hệ tình dục an toàn, sợ kỳ thị, công khai giới tính thật, kiến thức chung với $p < 0,05$.

Kết luận: Tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới còn khá thấp. Cần chú trọng các biện pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, tăng cường kiến thức, nâng cao ý thức của người dân, đặc biệt nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới.

Từ khóa: Nam quan hệ tình dục đồng giới, điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV, kiến thức.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo số liệu thống kê của Cục Phòng chống HIV/AIDS, Bộ Y tế, nam quan hệ tình dục đồng giới (men who have sex with men - MSM) đang được cảnh báo là một trong những nhóm nguy cơ chính của dịch HIV tại Việt Nam hiện nay. Tỷ lệ hiện nhiễm HIV tăng rõ rệt; tỷ lệ nhiễm mới HIV cao, tăng lên từng năm; nam quan hệ tình dục đồng giới và nhóm chuyển giới được dự báo có

thể trở thành nhóm chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng số người nhiễm HIV mới được ước tính hàng năm trong thời gian tới [1].

Theo nghiên cứu của Viện Y tế toàn cầu, Đại học Washington, Mỹ năm 2019, ở 5 tỉnh, thành phố của Việt Nam từ năm 2017-2050, ước tính sẽ có khoảng trên 107.000 ca nhiễm HIV mới trong nhóm quần thể có nguy cơ cao lây nhiễm HIV. Nếu độ bao phủ điều trị dự phòng trước phơi

* Tác giả liên hệ

Email: ldthanh012@gmail.com

Điện thoại: (+84) 901073733

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i5.1415>

nhiễm HIV (pre-exposure prophylaxis - PrEP) đạt 60% thì sẽ giảm được 48% tỷ lệ lây nhiễm HIV trong nhóm này (dự phòng được 55.640 ca nhiễm mới/cỡ mẫu 107.000 ca) [2].

Tại thành phố Cần Thơ, tính đến ngày 31/12/2022, có khoảng 4.500 người nhiễm HIV còn sống quản lý được, trong đó sinh sống tại quận Ninh Kiều chiếm khoảng 30% và có trên 50% người nhiễm là nam quan hệ tình dục đồng giới [3]. Mô hình điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV tại Cần Thơ đã được thực hiện từ năm 2018, riêng tại Trung tâm Y tế quận Ninh Kiều triển khai từ tháng 12/2020, đến nay đã có trên 300 nam quan hệ tình dục đồng giới tham gia chương trình điều trị [4]. Do đó, để đánh giá tỷ lệ nam quan hệ tình dục đồng giới trong cộng đồng tham gia điều trị, sự hiểu biết của nam quan hệ tình dục đồng giới về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV và các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia điều trị, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với 2 mục tiêu: (1) Xác định tỷ lệ tham gia điều trị và kiến thức về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, năm 2023; (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ từ tháng 4/2023-10/2023.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Nam quan hệ tình dục đồng giới đang sinh sống từ 6 tháng trở lên trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: là nam giới tự nhận là quan hệ tình dục đồng giới, từ 16 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự, đáp ứng các điều kiện tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV do Bộ Y tế ban hành theo Quyết định số 5968/QĐ-BYT và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: không đồng ý tham gia nghiên cứu, chống chỉ định sử dụng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- Cỡ mẫu: 400 đối tượng phù hợp với tiêu chuẩn chọn mẫu.

- Kỹ thuật chọn mẫu: chọn mẫu nhiều giai đoạn.

+ Giai đoạn 1: chọn tụ điểm nam quan hệ tình dục đồng giới. Quận Ninh Kiều đang quản lý 64 tụ điểm nam quan hệ tình dục đồng giới, trung bình mỗi tụ điểm có khoảng 10-15 nam quan hệ tình dục đồng giới. Lập danh sách và chọn ngẫu nhiên 39/64 tụ điểm.

+ Giai đoạn 2: chọn đối tượng nghiên cứu. Chọn toàn bộ nam quan hệ tình dục đồng giới tại các tụ điểm đưa vào nghiên cứu đến khi đủ cỡ mẫu.

2.5. Biến số, chỉ số, nội dung, chủ đề nghiên cứu

Các đặc điểm nhân khẩu học; tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV; kiến thức về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV; các yếu tố liên quan: số lượng bạn tình, quan hệ tình dục an toàn, sợ kỳ thị, đã công khai giới tính, kiến thức chung.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Mỗi đối tượng tham gia nghiên cứu được điều tra viên sử dụng bộ câu hỏi để phỏng vấn trong phòng riêng và sử dụng mã số nhận diện cá nhân. Điều tra viên là cán bộ y tế được tập huấn về nội dung bộ câu hỏi, kỹ năng phỏng vấn và thu thập thông tin trước khi thực hiện phỏng vấn đối tượng nghiên cứu.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Các số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Sử dụng toán thống kê mô tả để tính tần số và tỷ lệ %, phân tích mối liên quan bằng cách sử dụng phép kiểm định χ^2 , phân tích đơn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua nghiên cứu trên 400 nam quan hệ tình dục đồng giới, chúng tôi thu được kết quả như sau:

- Tuổi: nhóm từ 25-29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (44,5%), tiếp đến là nhóm từ 20-24 tuổi chiếm 30,8%, nhóm dưới 20 tuổi chiếm 13,3% và nhóm từ 30 tuổi trở lên chiếm 11,5%.

- Đối tượng còn đi học chiếm 8,5%, đi làm toàn thời gian chiếm 28,8%, đi làm bán thời gian chiếm 36,3% và thất nghiệp chiếm 6,5%.

- Đối tượng bắt đầu quan hệ tình dục đồng giới từ 16-25 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (58,5%), quan hệ khi trên 25 tuổi chiếm 25,5% và quan hệ khi dưới 16 tuổi chiếm 16%.

- Đối tượng có sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục chiếm 61%.



3.1. Tỷ lệ tham gia điều trị và kiến thức về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới

Bảng 1. Tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (n = 400)

Đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV	Tần số	Tỷ lệ
Có	149	37,3%
Không	251	62,7%

Nhận xét: Tỷ lệ đối tượng đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV là 37,3%.

Bảng 2. Kiến thức chung về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới (n = 400)

Kiến thức chung	Tần số	Tỷ lệ
Đúng	317	79,3%
Chưa đúng	83	20,8%

Nhận xét: Kiến thức chung đúng về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới là 79,3%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới

Bảng 3. Mối liên quan giữa tình hình tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV với số lượng bạn tình, quan hệ tình dục an toàn (n = 400)

Yếu tố		Đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV		OR (KTC 95%)	p
		Có	Không		
Số lượng bạn tình	> 1 bạn tình	80 (58,8%)	56 (41,2%)	4,03 (2,61-6,26)	< 0,001
	1 bạn tình	69 (26,1%)	195 (73,9%)		
Quan hệ tình dục an toàn	Không	50 (47,2%)	56 (52,8%)	1,76 (1,12-2,76)	0,014
	Có	99 (33,7%)	195 (66,3%)		

Ghi chú: KTC 95% là khoảng tin cậy 95%.

Nhận xét: Nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới có số lượng bạn tình hơn 1 người đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao gấp 4,03 lần so với nhóm chỉ có 1 bạn tình, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

Đối tượng quan hệ tình dục không an toàn đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao gấp 1,76 lần so với nhóm quan hệ tình dục an toàn, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p = 0,014$.

Bảng 4. Mối liên quan giữa tình hình tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV với sợ kỳ thị, công khai giới tính thật (n = 400)

Yếu tố		Đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV		OR (KTC 95%)	p
		Có	Không		
Sợ kỳ thị	Không	142 (42,8%)	190 (57,2%)	6,51 (2,89-14,67)	< 0,001
	Có	7 (10,3%)	61 (89,7%)		
Công khai giới tính thật	Đã công khai	143 (39,2%)	222 (60,8%)	3,11 (1,26-7,69)	0,01
	Chưa công khai	6 (17,1%)	29 (82,9%)		

Nhận xét: Đối tượng không sợ kỳ thị đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao hơn 6,51 lần so với đối tượng sợ kỳ thị với $p < 0,001$.

Đối tượng đã công khai giới tính thật đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao hơn 3,11 lần so với đối tượng chưa công khai giới tính thật, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p = 0,01$.

Bảng 5. Mối liên quan giữa tình hình tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV với kiến thức chung đúng ($n = 400$)

Kiến thức chung	Đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV		OR (KTC 95%)	p
	Có	Không		
Đúng	128 (40,4%)	189 (59,6%)	1,99 (1,16-3,44)	0,011
Chưa đúng	21 (25,3%)	62 (74,7%)		

Nhận xét: Đối tượng có kiến thức chung đúng đang điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao hơn 1,99 lần so với đối tượng có kiến thức chung chưa đúng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p = 0,011$.

4. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ tham gia điều trị và kiến thức đúng về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, đối tượng đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV là 37,3% và đối tượng không tham gia điều trị là 62,7%. Kết quả này cho thấy tỷ lệ nam quan hệ tình dục đồng giới tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV còn khá thấp, trong khi nhóm đối tượng này được xếp vào những nhóm đối tượng có nguy cơ cao trong lây nhiễm HIV. Tổ chức Y tế thế giới đã đưa ra khuyến cáo rằng, điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc kháng HIV là biện pháp hiệu quả ngăn ngừa lây nhiễm HIV cho nhóm đối tượng có nguy cơ cao, đặc biệt với đối tượng nam quan hệ tình dục đồng giới. Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV có hiệu quả giảm nguy cơ nhiễm HIV qua đường tình dục lên tới 97% và qua tiêm chích đến 74% nếu tuân thủ điều trị tốt. Cần tích cực tuyên truyền, tư vấn cho nam quan hệ tình dục đồng giới hiểu được nguy cơ lây nhiễm HIV của bản thân khi họ quan hệ tình dục đồng giới và lợi ích của việc điều trị dự phòng trước phơi nhiễm để tăng tỷ lệ người tham gia điều trị.

Kiến thức chung đúng về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới là 79,3%. Kết quả này cao hơn các nghiên cứu khác ở châu Mỹ [8] và châu Á [9]. Có nét tương đồng cho thấy kiến thức cao về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại Kenya [10], tương tự với nghiên cứu của Ngô Mạnh Vũ [7], cho thấy kiến

thức đạt hiểu biết về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới là 83,9%. Phát hiện này có thể do tại Việt Nam nói chung và Cần Thơ nói riêng, những năm qua đã thực hiện khá tốt một số chiến dịch toàn diện, truyền thông đa phương tiện, nhằm nâng cao nhận thức, cung cấp thông tin dựa trên bằng chứng về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV khi có sẵn. Ngoài ra, các bên liên quan chính như sự tham gia của các nhà lãnh đạo, quan điểm cộng đồng nam quan hệ tình dục đồng giới, các tổ chức dựa vào cộng đồng và các nhà cung cấp dịch vụ y tế thân thiện với nam quan hệ tình dục đồng giới cũng đóng vai trò là kênh phổ biến thông tin về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của nam quan hệ tình dục đồng giới

Số lượng bạn tình

Nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới có số lượng bạn tình hơn 1 người đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao gấp 4,03 lần so với nhóm chỉ có 1 bạn tình, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Lý giải kết quả này có thể là do khi có nhiều bạn tình, họ quan hệ tình dục với nhiều người, vì thế có tâm lý lo lắng hơn về nguy cơ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV, nên họ thường tham gia điều trị dự phòng phơi nhiễm HIV cao hơn những người chỉ có 1 bạn tình. Nghiên cứu của Lê Thùy Diệu cho thấy nam quan hệ tình dục đồng giới đăng ký tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV có quan hệ tình dục với 2 người trở lên chiếm 86,2% và có nguy cơ nhiễm HIV cao gấp 7,4 lần so với nhóm chỉ quan hệ tình dục với 1 người [5].

Quan hệ tình dục an toàn

Đối tượng quan hệ tình dục không an toàn đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV

cao gấp 1,76 lần so với nhóm quan hệ tình dục an toàn, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,014$. Có thể khi sử dụng bao cao su nên đối tượng chủ quan, lơ là với điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV; còn đối tượng không dùng bao cao su để tăng khoái cảm thì lo lắng hơn, tuân thủ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV tốt hơn. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Lân tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021-2022: những người không sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục sẽ tuân thủ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV tốt hơn nhóm còn lại, tuân thủ tốt gấp 5,558 lần [6].

Qua đây cũng cho thấy những lỗ hổng trên chặng đường tiến tới loại trừ HIV/AIDS khi đối tượng thiếu sự kết hợp nhiều biện pháp phòng bệnh. Vì thế ngành y tế cần tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn kiến thức rõ ràng, chính xác để đối tượng có sự hiểu biết rõ hơn về tác dụng của việc kết hợp nhiều biện pháp phòng bệnh, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác, đặc biệt là trong cộng đồng nam quan hệ tình dục đồng giới.

Sợ kỳ thị

Đối tượng không sợ kỳ thị đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao hơn 6,51 lần so với đối tượng sợ kỳ thị, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Nghiên cứu của Ngô Mạnh Vũ tại Cần Thơ cũng cho thấy các đối tượng sợ phân biệt đối xử (chiếm 37,7%) nên chưa sẵn sàng sử dụng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV [7]. Điều này phù hợp với thực tế việc kỳ thị và phân biệt đối xử đang là những rào cản đáng kể cho việc tiến hành các chương trình dự phòng HIV. Cần phải có các giải pháp can thiệp nâng cao hiểu biết và chống kỳ thị phân biệt đối xử tại cộng đồng và các cơ sở y tế, có các mô hình cung cấp dịch vụ thân thiện để tăng sự tiếp cận của các đối tượng với chương trình điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV.

Đã công khai giới tính thật

Đối tượng đã công khai giới tính thật đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao hơn 3,11 lần so với đối tượng chưa công khai giới tính thật, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p = 0,010$. Từ đó cho thấy việc nam quan hệ tình dục đồng giới chưa dám công khai giới tính thật của mình là rào cản trong việc tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV của họ. Một trong những nguyên nhân này là do định kiến của xã hội về giới tính. Điều này tạo ra rào cản tâm lý lớn, khiến họ e ngại việc sử dụng điều trị dự phòng

trước phơi nhiễm HIV hoặc bỏ điều trị giữa chừng. Thực tế, việc tiếp cận với những người thuộc nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới để có thể giúp họ điều trị và dự phòng trước phơi nhiễm HIV vẫn còn nhiều khó khăn.

Kiến thức chung

Trong nghiên cứu, đối tượng có khoảng tin cậy đúng đang điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao hơn 1,99 lần so với đối tượng có khoảng tin cậy chưa đúng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p = 0,011$. Có thể thấy tầm quan trọng của việc cung cấp cho nam quan hệ tình dục đồng giới các kiến thức về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV để các đối tượng có thêm kiến thức, tin tưởng và yên tâm sử dụng. Nghiên cứu của Lê Mạnh Vũ cũng chỉ ra rằng: đối tượng có kiến thức đạt thì thái độ sẵn sàng sử dụng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cao gấp 9,79 lần so với những đối tượng có kiến thức về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV chưa đạt [7].

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nam quan hệ tình dục đồng giới đang tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV trong mẫu nghiên cứu là 37,3%. Có 79,3% đối tượng có kiến thức chung đúng về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV. Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan giữa tỷ lệ tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV với số lượng bạn tình (OR = 4,03, KTC 95% = 2,61-6,26, $p < 0,001$), quan hệ tình dục an toàn (OR = 1,76, KTC 95% = 1,12-2,76, $p = 0,014$), sợ kỳ thị (OR = 6,51, KTC 95% = 2,89-14,67, $p < 0,001$), công khai giới tính thật (OR = 3,11, KTC 95% = 1,26-7,69, $p = 0,010$), kiến thức chung (OR = 1,99, KTC 95% = 1,16-3,44, $p = 0,011$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1246/QĐ-TTg, ngày 14/8/2020 phê duyệt Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.
- [2] Thu Hương, Linh hoạt, đa dạng hóa nhiều mô hình cung cấp dịch vụ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV, *Báo Sức khỏe và đời sống*, 2020.
- [3] Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ, Báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2022.
- [4] Trung tâm Y tế quận Ninh Kiều, Báo cáo thống kê số người điều trị dự phòng trước phơi nhiễm trên địa bàn quận, 2023.

- [5] Lê Thùy Diệu và cộng sự, Tỷ lệ nhiễm HIV và một số yếu tố liên quan trên nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tham gia điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV tại CDC tỉnh Cà Mau năm 2022, *Tạp chí Y học dự phòng*, 2022, 32(8), tr. 262-273.
- [6] Nguyễn Văn Lân, Trần Ngọc Dung, Nghiên cứu tình hình tuân thủ điều trị, một số yếu tố liên quan và kết quả điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV ở các đối tượng có hành vi nguy cơ cao tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2021-2022, *Tạp chí Y Dược Cần Thơ*, 2022, số 54, tr. 124-131.
- [7] Ngô Mạnh Vũ và cộng sự, Thực trạng kiến thức, thái độ và một số yếu tố liên quan trên nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới trong điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV tại Cần Thơ năm 2022, *Tạp chí Y học dự phòng*, 2023, 33(3), tr. 137-143.
- [8] Krakower DS, Mimiaga MJ, Rosenberger JG et al, Limited Awareness and Low Immediate Uptake of Pre-Exposure Prophylaxis among Men Who Have Sex with Men Using an Internet Social Networking Site, *PLoS one*, 2012, 7(3), pp. 1-8.
- [9] Lim SH, Mburu G, Bourne A et al, Willingness to use pre-exposure prophylaxis for HIV prevention among men who have sex with men in Malaysia: Findings from an online survey, *Plos one*, 2017, 12(9), pp. 1-19.
- [10] Ogunbajo A, Kang A, Shangani S et al, Awareness and Acceptability of pre-exposure prophylaxis among gay, bisexual and other men who have sex with men (GBMSM) in Kenya, *AIDS Care*, 2019, 31(10), 1185-1192.

